

GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VÀ VĂN HÓA CHÙA TỔ TÂY THIÊN - HUẾ



Tác giả: **Thích Minh Nghiêm**

Học viên Cao học K.II Học viện PGVN tại Huế

Tóm tắt: Lịch sử - Văn hóa, kiến trúc, nghệ thuật vẫn được lưu giữ trên mảnh đất Huế, những ngôi chùa cổ là điểm tham quan hấp dẫn, thú vị để khám phá vẻ đẹp độc đáo của văn hóa

Phật giáo trên đất cố đô. Trải qua bao thăng trầm, đến nay vẫn còn một số ngôi chùa mang đậm sắc thái kiến trúc cổ kính, điển hình như chùa Tổ Tây Thiên ở Huế. Đây là những di sản văn hóa quý báu, là niềm tự hào của mỗi người dân Huế và chư tăng nơi đây.

Từ khóa: Giá trị lịch sử và văn hóa chùa Tổ Tây Thiên - Huế.

MỞ ĐẦU

Phật giáo xuất hiện rất sớm ở vùng Ô Châu - Thuận Hóa vì vùng đất này thuộc nền văn hóa Champa, một nền văn hóa chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ, trong đó có Phật giáo. Trong thời gian hai châu Ô, châu Lý biến thành châu Thuận Hóa, quá trình truyền bá đạo Phật ở vùng đất này ngày càng mạnh mẽ.

Sau khi chúa Nguyễn Hoàng vào kinh thành, vùng đất này đã được mở rộng và phát triển toàn diện, chú trọng phát triển Phật giáo. Vào thời Nguyễn, Phật giáo ở Huế phát triển mạnh mẽ. Các vua triều Nguyễn chủ trương theo đạo Phật, từ đó đến nay ngày càng có nhiều chùa, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất được xây dựng.

Từ hệ thống chùa chiền đa dạng như vậy, có thể nói Huế là kinh đô của Phật giáo, có thể gọi cái tên thân thương là vùng đất Thiền kinh. Người dân Huế chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Phật giáo, điều này được thể hiện trong đời sống văn hóa và sinh hoạt hàng ngày. Họ sống giản dị, giữ gìn truyền thống gia đình, đi chùa, ăn chay, tụng kinh, niệm Phật.

Tất cả là nhờ sự tiếp nối và giữ gìn truyền thống của các vị tổ sư, các tăng đoàn Phật giáo nổi tiếng của trong nhiều thế kỉ. Phật giáo Huế có được như ngày hôm nay là nhờ vào bề dày lịch sử hoàng truyền phật pháp của nhiều bậc Tổ sư, danh tăng lỗi lạc. Sự ưu ái và hết lòng hộ trì phật pháp của các vua triều Nguyễn là nhân tố khơi nguồn cho Phật giáo Huế phát triển vững mạnh. Chùa chiền được các chúa Nguyễn chăm lo xây dựng, trùng tu. Nhiều tăng sĩ Trung Hoa đến xứ Đàng Trong truyền đạo thành công như Ngài Viên Cảnh, Viên Khoan, Hưng Liên, Giác Phong, Pháp Bảo, Tử Dung...

Nói đến chùa Huế thì chúng ta không thể nào không nhắc đến các chùa Tổ. Chính vì sự đóng góp của quý Ngài rất to lớn trong công cuộc xây dựng và phát triển từ lịch sử cho đến văn hóa, tinh thần - tâm linh được thể hiện qua các sơn môn, các ngôi chùa, trong đó có ngôi chùa Tổ Tây Thiên.



1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH CHÙA TỔ TÂY THIÊN - HUẾ

1.1. Khái lược lịch sử hình thành và phát triển

Chùa Tây Thiên tọa lạc trên vùng đất thuộc ấp Thuận Hòa, làng Dương Xuân Thượng, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên. Nay 21 kiệt 9 Nam Giao (hoặc kiệt 47 Minh Mạng), phường Thủy Xuân, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chùa nằm về hướng Tây Nam núi Ngự Bình, cách đền Nam Giao khoảng 500 mét về phía Nam.

Năm Nhâm Dần (1902), do Hòa thượng Thanh Ninh - Tâm Tịnh kiến tạo. Thời đầu xây dựng, chùa có tên gọi là Thiếu Lâm trượng thất. Vào mùa Đông năm Giáp Thìn (1904), sự sinh hoạt có cơ duyên phát triển nên chùa được xây dựng thêm một ngôi nhà nằm phía hữu của thảo am, rồi đổi tên Thiếu Lâm trượng thất thành Thiếu Lâm tự.

Nam Tan Hoi (1911), Hòa thượng tiếp tục cho xây ngôi chính điện rộng lớn (nam o vi tri ngay nay) con nhen cu thi sua lai lam Tang xa. Trong dịp này, Hòa thượng con chu tao mot ngoi tuong Phat A Di Đa, roi lai doi ten Thieu Lam tu thanh Tay Thien Phat Cung.

Năm Quý Dậu (1933), dưới thời vua Bảo Đại thứ 8, nhà vua ban biểu ngạch “*Sắc tứ Tây Thiên Di Đà tự*”. Ngay nay, mọi người chỉ quen gọi là chùa Tây Thiên, hay tran trong hơn là chùa Tô Tây Thiên.

Mùa Xuân năm Mậu Thìn (1928), Tô Thanh Ninh - Tam Tinh viên tịch. Hòa thượng Trung Vân - Giác Nguyễn, trưởng tu của Tô kế tục trụ trì. Len làm trụ trì Hòa thượng, cũng không ngưng nỗ lực tiếp nối thực hiện sự nghiệp hoằng hóa đang còn dở dang của Tô.

Ngày 19 tháng 9 năm Ất Hợi (16.10.1935), Hòa thượng trụ trì, cùng chư tôn Hòa thượng trong Hội đồng chung minh An Nam Phật học hội, quyết định thành lập và khai giảng một Phật học viện rất qui mô tại chùa Tây Thiên. Phật học viện này gồm đủ ba trường Sơ Trung Cao đẳng. Sau khi thành lập, thì các lớp Sơ đẳng, Trung đẳng đang được giảng dạy tại các chùa Vạn Phước, Trúc Lâm, Tuông Vạn, Báo Quốc... đều được chuyển lên sáp nhập vào Phật học viện này.

Một năm sau ngày khai giảng, Phật học viện tổ chức trong thế kỷ niệm Đệ nhất chu niên. Trong dịp này, Hội quyết định đổi tên trường Cao đẳng thành “*XUAN KINH ĐẠI PHẬT HỌC TRANG*”. Cơ sở văn đật tại chùa Tây Thiên.

Phật học viện Tây Thiên thu nhận học Tăng mở rộng trên khắp 17 tỉnh miền Trung (từ Thanh Hóa đến Bình Thuận, tức địa phận của xứ Trung Kỳ thời Pháp thuộc) nên số lượng học tăng về du học rất đông. Riêng lớp Đại học đã có trên 50 vị.

Dưới sự điều hành và giảng dạy tận tụy của các bậc giáo thọ uyên thâm Thanh điện như quý Hòa thượng Như Trì Phước Huệ, ở Tô đình Tháp Tháp, Bình Định, Hòa thượng Trung Thanh Giác Tiên ở chùa Trúc Lâm, Hòa thượng Trung Huệ Giác Viên ở chùa Thế Đa lam (tức chùa Hồng Khê ngày nay), Hòa thượng Trung Thụy Giác Nhiên, Tăng Cang quốc tu Thanh Duyên, Thua Thiên... về phía cư sĩ tán học có Bác sĩ Tam Minh Lê Đình Tham, Bác sĩ Trương Xương, Điều khắc gia kiêm Hòa sĩ Mai Trang Nguyễn Khoa Toàn...

Các lớp Sơ đẳng và Trung đẳng thì có thêm các học tăng xuất sắc ở lớp Đại học được phân công xuống giảng dạy, như quý Ngài Trung Nguyễn - Đôn Hậu, Tam Nhu - Trì Thu, Tam Hương - Mat Hien, Tam Nhu - Mat Nguyễn...

Phật học viện Tây Thiên là một Phật học viện đầu tiên có hệ thống tổ chức rất khoa học, có phương pháp giáo dục tập trung hoàn chỉnh, là một trung tâm đào tạo tăng tài nổi tiếng nghiêm túc và có chất lượng học tập cao nhất của Phật giáo tại miền Trung lúc bấy giờ.

Chư vị học tăng xuất thân từ Phật học viện danh tiếng này, về sau đều trở thành những bậc long tượng tăng già đạo cao, đức trọng. Sự nghiệp của quý Ngài không chỉ làm hưng thịnh ngôi nhà Phật giáo, mà còn góp sức tô bồi cho nền văn hóa dân tộc thêm phần phong phú, cao đẹp. Tiêu biểu như quý HT.Trường Nguyên - Đôn Hậu (1905 - 1992), Đệ tam Tăng Thống GHPGVNTN, HT.Hoàn Tuyên - Thiện Hoa (1919 - 1973), Viện trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN, HT.Tâm Như - Mật Nguyễn (1911 - 1972), Chánh Đại diện GHPGVNTN miền Vạn Hạnh...

Phật học viện Tây Thiên đã cùng ủng hộ kịp thời một phần rất lớn các vị tăng tài cho công cuộc

chan hưng, đã duyên khai cho một Đại Tông lam kieu mau ra đời sau đó trên ngọn đời Kim Sơn hưng vĩ, ở thôn Lưu Bao, xã Hương Hồ, ngoài vi kinh thành Huế. Phật học viện này thực sự đã ghi một dấu son trong dòng lịch sử xây dựng và phát triển của ngôi chùa moi Tây Thiên.

Đến năm 1951 (Tan Mao), sau khi tổ chức Gia đình Phật hóa phổ được Hội quyết định đổi tên thành Gia đình Phật tử, thì khuôn viên chùa Tây Thiên đã trở thành “*trai trường*” của tổ chức Phật giáo này.

Gan bo nhiều nhất với anh chị em Huỳnh trường và Đoàn sinh GDPT ở giai đoạn này là Hòa thượng Thích Thiên Minh (1922 - 1978), Ủy viên Thanh niên của Tổng Hội Phật giáo Việt Nam.

Suốt cả thập kỷ 50 vừa qua, chùa Tây Thiên đã sát cánh cùng chùa Tu Đàm đê đùm bọc, che chở cho tổ chức GDPT được trưởng thành và lớn mạnh. Các thế hệ Huỳnh trường và Đoàn sinh GDPT lúc bấy giờ, vẫn còn khắc sâu trong ký ức một thời được sống an lành dưới sự chăm nom, giao duong tận tình của chủ vi tôn túc dưới mái chùa Tây Thiên.

Năm Nhâm Thìn (1952), chứng kiến nổi cơ cực, thiếu thốn của đồng bào Phật tử trong cơn ly loạn, Hòa thượng trú trì cùng chư Tăng chùa Tổ Tây Thiên, đã thành lập trường Sơ cấp Phật giáo để giúp đỡ cho con em trong địa phương có nơi học tập. Rồi lập nên Trạm y tế từ thiện để khám chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho đồng bào Phật tử nghèo trong suốt một thời gian dài.

Năm Đinh Mùi (1967), Hòa thượng trú trì Trường Văn - Giác Nguyên chứng minh và đệ tử Tâm Thọ - Thiện Hỷ lập nên “*Tịnh nghiệp Đạo tràng Tây Thiên*”, để làm nơi tu học cho các giới cư sĩ tại gia. Từ ấy đến nay, đã trải qua 40 năm mà Tịnh nghiệp Đạo tràng vẫn không ngừng sinh hoạt. Điều đáng trân trọng hơn nữa là các vị cư sĩ xuất thân từ Đạo tràng Tịnh nghiệp Tây Thiên này là những vị cư sĩ mẫu mực, đã và đang gánh vác trọng trách tại các Khuôn Giáo hội, các Niệm Phật đường...

Năm 1980, Ngài Giác Nguyên viên tịch vào ngày mùng Một Tết Canh Thân, thọ 104 tuổi, 70 hạ lạc, sau khi ngài Giác Nguyên viên tịch, Môn phái đã họp và cử Ngài Nhật Liên làm trụ trì. Song ngài giao lại cho pháp diệt coi sóc, rồi ngài vào miền Nam tiếp tục hoằng hóa độ sinh.

Năm Canh Ngọ (1990), Hòa thượng Từ Phương đã tổ chức trùng tu hậu Tổ. Năm 1997, Hòa thượng cho sửa lại tiền đường. Ước nguyện của ngài là đại trùng tu ngôi chánh điện nhưng do bệnh duyên nên ngài đã viên tịch.

Thực hiện ước nguyện của Bổn sư, từ năm 2005, Thượng tọa Thích Nguyên Minh (đệ tử của Hòa thượng Từ Phương) đã lên kế hoạch đại trùng tu ngôi Tổ đình. Năm Mậu Tý (2008), Thượng tọa cho xây dựng nhà Hậu, chỉnh trang sân vườn, từ năm 2012 đến năm 2013, Thượng tọa cho trùng kiến ngôi chính điện. Trở thành ngôi phạm vũ Tây Thiên uy nghiêm, tráng lệ.

Ngoài những Phật sự lớn lao mà ngôi chùa Tổ Tây Thiên đã tích cực đóng góp vào sự phát triển của Phật giáo trong giai đoạn chấn hưng, chùa còn là nơi xuất hiện chín bậc cao tăng kỳ vĩ, sự nghiệp hoằng hóa của quý Ngài không chỉ rực sáng trong dòng lịch sử Phật giáo Việt Nam, mà

tài năng, đức độ và hạnh nguyện cao cả của quý Ngài đã thấm nhuần trong đời sống biết bao thế hệ tăng ni, phật tử.



Chùa Tổ Tây Thiên từ khi kiến tạo đến nay, đã là một trăm hai mươi năm, nhưng cũng đã có đến năm thế hệ kế tục truyền thừa (theo kệ truyền thừa của Thiền phái Thiệt Diệu Liễu Quán, Tổ đình Thiền Tôn - Huế).

Bài kệ truyền thừa như sau:

實際大道 Thiệt Tế Đại Đạo 性海清澄 Tánh Hải Thanh Trùng
 心源廣潤 Tâm Nguyên Quảng Nhuận 德本慈風 Đức Bản Từ Phong
 戒定福慧 Giới Định Phước Tuệ 體用圓通 Thể Dụng Viên Thông
 永超智果 Vĩnh Siêu Trí Quả 密契成功 Mật Khế Thành Công
 傳持妙理 Truyền Trì Diệu Lý 演暢正宗 Diễn Sướng Chánh Tông
 行解相應 Hạnh Giải Tương Ứng 達悟真空 Đạt Ngộ Chơn Không.

Tạm dịch:

Đường lớn chơn thật Biển tánh lắng trong
Nguồn tâm rộng thoáng Gốc đức gió lành
Giới định phước tuệ Thể dụng viên thông
Trí quả vượt qua Khế hợp thành công
Truyền trao chân lý Phát triển chính tông
Hạnh giải tương ưng Ngộ thấu nguồn chơn.

Từ Ngài khai sơn THANH đến QUẢNG như sau:

1. THANH NINH - TAM TINH (1868 - 1928)
2. TRUNG VAN - GIAC NGUYEN (1877 - 1980)
3. TAM THO - THIEN HY (1914 - 1969)
4. NGUYEN KHONG - TU PHUONG (1946 - 2005)
5. QUANG ĐAI - NGUYEN MINH.

Khung cảnh trang nghiêm, thanh tịnh và tao nhã của chùa Tổ cũng đã được các quý Hòa thượng khen ngợi, rất nhiều. Kể từ khi Hòa thượng người sáng lập chùa Tổ qua đời cho đến các thế hệ tiếp theo cũng đã không ngừng phát triển để khôi phục và tạo ra một khung cảnh ngày càng huy hoàng, đẹp đẽ và xứng đáng của một ngôi Tổ đình xứ Huế. Vị trí của chùa Tổ Tây Thiên trong văn hóa truyền thống, đặc biệt là lịch sử Phật giáo Huế và lịch sử Phật giáo Việt Nam nói chung. Đây là trang sử vẻ vang khắc ghi trong lòng mỗi người bởi ngôi chùa, nơi lưu giữ giá trị tinh thần và tâm hồn của cả dân tộc.

1.2. Sơ lược tiểu sử Tổ khai sơn

Tổ sư THANH NINH - TÂM TỊNH (1868 - 1928), khai sơn Tổ đình Tây Thiên Huế (Liễu Quán đời thứ 7 - Lâm Tế đời thứ 41).

Đức Tổ sư Khai sáng Môn phái Tây Thiên, húy thượng Thanh hạ Ninh, hiệu Tâm Tịnh, thế tộc họ Hồ, thế danh Hữu Vĩnh. Ngài sinh vào lúc nửa đêm (Tý khắc) ngày 18 tháng 5 năm Mậu Thìn vào triều Tự Đức năm thứ 21 (1868), tại làng Trung Kiên, tổng Bích La, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Gia tộc họ Hồ vốn nhiều đời theo Phật. Song thân Ngài là những Phật tử thuần thành, đã thường đưa Ngài đến chùa lễ Phật. Nhờ nhân duyên ấy, thiện căn trong Ngài sớm được vun bồi. Năm 13 tuổi, Phật chủng nảy mầm, Ngài giã từ cha mẹ, vào Kinh đô Phú Xuân, đánh lễ HT. Diệu Giác - tức là Ngài Hải Thuận - Lương Duyên, trú trì chùa Báo Quốc, cũng là người Trung Kiên, tỉnh Quảng Trị, xin thế phát xuất gia. Năm ấy thuộc niên hiệu Tự Đức thứ 33 (1880).

Bảy năm sau, năm Đinh Hợi triều vua Đồng Khánh (1887), Ngài được Hòa thượng Bốn sư cho thọ sa di thập giới, được Pháp danh Thanh Ninh, Pháp tự Hữu Vĩnh. Như vậy, Ngài là thế hệ thứ 41 dòng Thiền Lâm Tế, thuộc đời thứ 7 Thiền phái Thiệt Diệu - Liễu Quán của xứ Đàng Trong. Bảy năm sau, vào năm Giáp Ngọ triều Thành Thái thứ 6 (1894), Ngài Hòa thượng Hải Thiệu - Cương Kỳ ở chùa Từ Hiếu cùng Ngài Hòa thượng Diệu Giác ở chùa Báo Quốc được triều đình

sắc chi khai mở Đại giới đàn ở chùa Báo Quốc và chính trong Đại giới đàn này, Ngài được viên thành giới thể Cụ túc. Cùng vào năm này, chứng khả cho bước thành tựu tâm linh chốn ngộ cơ Thiền, Ngài được Hòa thượng Bốn sư chứng nhận đặc pháp Đại sư với bài kệ:

河清寧密四方安 Hà thanh ninh mật tứ phương an
有永心心道即閒 Hữu vĩnh tâm tâm đạo tức nhàn
心似菩提開慧日 Tâm tựa Bồ-đề khai tuệ nhật
包含世界如是觀 Bao hàm thế giới như thị quan.

Tạm dịch: Sông trong yên lặng bốn phương an
Vĩnh viễn tâm tâm đạo ấy nhàn
Tâm tựa Bồ-đề soi mặt nhật
Một bầu thế giới chứa muôn vàn.

Năm 1895 (Ất Mùi), Ngài vân lời Bốn sư đến chùa Từ Hiếu tham vấn và hầu HT. Hải Thiệu - Cương Kỳ.

Năm 1898 (Mậu Tuất), HT.Hải Thiệu - Cương Kỳ viên tịch, Ngài được đề cử làm trú trì, sau 5 năm và giao lại cho pháp đệ là Ngài Huệ Minh để vân du khai dòng Thiền, dựng thảo am năm 1902 (Nhâm Dần) và đặt tên là Thiếu Lâm Trượng Thất sau này là: “Chùa Tổ Tây Thiên”.

Nơi đây Ngài có 9 vị đệ tử thượng túc “Cửu Giác”, và 9 vị này đi nhiều nơi để hoằng hóa nên có câu nói “Cửu Giác Lưu Phương”.

1. Hòa thượng TRƯỜNG VĂN - GIÁC NGUYÊN (Tây Thiên)
2. Hòa thượng TRƯỜNG THÀNH - GIÁC TIÊN (Trúc Lâm)
3. Hòa thượng TRƯỜNG HUỆ - GIÁC VIÊN (Hong Khê)
4. Hòa thượng TRƯỜNG BA - GIÁC NGẠN (Kim Đài)
5. Hòa thượng TRƯỜNG NHÃ - GIÁC HẢI (Giác Lâm)
6. Hòa thượng TRƯỜNG THỦY - GIÁC NHIÊN (Thiền Tôn)
7. Hòa thượng TRƯỜNG THANH - GIÁC BỔN (Từ Quang)
8. Hòa thượng TÂM CẢNH - GIÁC HẠNH (Vạn Phước)
9. Hòa thượng TRƯỜNG NGUYÊN - ĐÔN HẬU (Linh Mục)

Ngài thường dạy các đồ đệ của mình với tinh thần “tự khẳng thừa đương” cố gắng tu bồi giới, luật và hành trì yếu chỉ của Thiền tông. Thiền không đâu xa mà ở ngay trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Qua 2 bài sau:

裁竹裁梅消舊日 Tài trúc tài mai tiêu cựu nhật
種瓜種豆度新朝 Chung qua chủng đậu độ tân triều.

Tạm dịch: Chăm trúc bón mai qua ngày cũ
Trồng dưa trồng đậu độ ngày sau.

少林深隱月三更 Thiếu Lâm thâm ẩn nguyệt tam canh
淨聽松風弄古箏 Tịnh thính tùng phong lộng cổ tranh

一曲吟成無限句 Nhất khúc ngâm thành vô hạn cú
良田萬頃任君耕 Lương điền vạn khoảnh nhậm quân canh.

Tạm dịch: Thiếu Lâm sâu ẩn ánh trăng khuya
Nghe gió từng reo rộn đàn xưa
Một khúc ngâm thành muôn ngàn điệu
Phước điền vạn khoảnh một người gieo.

2. GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VÀ VĂN HÓA CHÙA TỔ TÂY THIÊN - HUẾ

2.1. Tổng quan kiến trúc chùa Tổ

2.1.1. Cổng tam quan

Cổng tam quan là một đơn nguyên kiến trúc khá phổ biến và rất quen thuộc, có đi đâu cũng thấy hình dáng của kiến trúc tam quan. Cổng tam quan là công trình kiến trúc nổi bật của các công trình như: chùa chiền, đình, làng, xã, lăng tẩm, đền đài,... cổng tam quan thông thường được thiết kế có ba cổng có kích thước khác nhau theo mỗi công trình tương ứng. Cổng ở giữa (cổng chính) lúc nào cũng to và rộng hơn hai cổng hai bên (hai cổng phụ).

Cổng tam quan chùa Tổ Tây Thiên là loại cổng kiểu tứ trụ biểu nhưng hai trụ giữa cao hơn chia thành ba lối và được nối liền với nhau là xà cách điệu lên để làm trán cổng được khắc chữ “*Tổ Đình Tây Thiên*” ở mặt trước và mặt sau khắc bài thơ “*Thiếu Lâm Thâm Ẩn*”. Trên bốn trụ đó được điêu khắc bằng những bốn cặp câu đối bằng chữ Hán, trên đỉnh trụ trang trí hoa sen cách điệu và biểu tượng pháp luân.

Qua cánh cổng tam quan Phật giáo muốn khẳng định lại giáo lý của mình, đức tin và lý trí để cố gắng tinh tấn tu học giữa cái thế gian và xuất thế gian, nhận chân được như vậy mới có thể đem lại hạnh phúc cho tự thân và tha nhân. Cánh cổng không môn luôn được mở rộng cho những ai muốn tìm lại sự hạnh phúc an lạc và giải thoát trong cuộc đời ngũ trược. Tinh thần giải thoát của đạo Phật thể hiện rõ qua cánh cửa không môn.

Hai cặp câu đối ở mặt trước:

Cặp 1: 月巢鴈作千年夢 Nguyệt sào nhạn tác thiên niên mộng
雪屋人迷一色工 Tuyết ốc nhân mê nhất sắc công.

Dịch nghĩa: Tổ trăng nhạn làm ngàn năm mộng
Nhà tuyết người thích một thợ hay.

Cặp 2: 示八相顯六通人天稽首 Thị bát tướng hiển lục thông nhân thiên khể thủ
破無明除二執魔外寒心 Phá vô minh trừ nhị chấp ma ngoại hàn tâm.

Dịch nghĩa: Hiện tám tướng diễn lục thông trời người cúi lạy
Phá vô minh trừ nhị chấp, ma đạo sợ run.

Hai cặp câu đối ở mặt sau:

Cặp 1: 遙觀極樂天邊月 Diêu quan cực lạc thiên biên nguyệt
去作蓮池會上人 Khứ tác liên trì hội thượng nhân.

Dịch nghĩa: Xa nhìn trăng bên trời cực lạc
Đến làm người ở chốn liên trì.

Cặp 2: 檻外藥欄面面菩提佛性
Hạ ngoại dược lan diện diện bồ đề Phật tính
庭前柏樹行行般若真如
Đình tiền bách thọ hàng hàng bát nhã chân như.

Dịch nghĩa: Ngoài song rào thuốc mặt mặt bồ đề Phật tính
Trước sân cây bách hàng hàng bát nhã chân như.



2.1.2. Chính điện

Điện có địa vị và được tôn sùng cao nhất, duy chỉ có nhà vua thương nghị triều chính cử hành các đại lễ của quốc gia, lễ tế thiên địa thần linh và liệt vị tổ tông tiên đế mới đủ tư cách được gọi là điện, nơi cung phụng Phật tượng, lễ Phật, tụng kinh được đặc cách tôn xưng.

Cách thờ ở chính điện ở các ngôi chùa Huế cũng rất đa dạng và phong phú theo từng kiểu dạng. Thứ nhất thờ gian giữa là Tam Thế Phật cao nhất xuống một bậc là Ngài Thích ca, xuống nữa là bức tượng dẫn sinh và tiếp đó là bàn kinh, bàn chuông mõ. Hai gian hai bên thờ Ngài Văn Thù Bồ Tát, Ngài Phổ Hiền Bồ Tát. Hình ảnh Ngài Văn Thù và Ngài Phổ Hiền được thiết trí đứng hai bên tả hữu để hầu, làm thì giả cho Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Biểu thị cho nhân cách, đức hạnh, giới đức của hai vị này là trí tuệ và từ tâm. Cho nên, tại các chùa xứ Huế thường được thiết trí thờ hai gian tả hữu của chính điện, để thờ hai Ngài không ngoài ý nghĩa là khai

thị và thức tỉnh chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến. Thực hành Bồ Tát đạo đem đến hạnh phúc, an vui cho chúng sinh. Dùng trí tuệ rộng lớn của mình dẹp tan mọi chướng ngại, không lùi bước trước bất cứ hoàn cảnh khó khăn nào, đứng ra tuyên thuyết giải bày những triết lý tinh túy của đạo Phật và hoàng dương chính pháp của Như Lai.

Thứ hai thờ gian giữa là Đức Phật A Di Đà, hai gian hai bên là Ngài Quan Âm Bồ Tát và Ngài Thế Chí Bồ Tát. Thứ ba thờ gian giữa là Đức Phật Bổn sư Thích Ca Mâu Ni, hai gian hai bên thờ Quan Âm Bồ Tát và Ngài Địa Tạng Bồ Tát. Một số chùa Nam tông thì thờ đức tôn Đức Phật Bổn sư Thích Ca Mâu Ni. Trên đây là một số cách thờ chính điện của những ngôi chùa ở Huế. Vì cách thức thờ tự theo nhu cầu pháp môn và nhiều yếu tố nội duyên và ngoại duyên để phù hợp với từng địa phương, tùy vào ý định và ý nghĩa của người sáng lập, nhưng cũng không làm mất đi bản sắc, mục đích, ý nghĩa của Phật giáo.

Chùa Tổ Tây Thiên được thiết trí thờ Đức Phật A Di Đà, hai gian hai bên là Ngài Quan Âm Bồ Tát và Ngài Thế Chí Bồ Tát. Sở dĩ được thiết trí như vậy có lẽ, Ngài khai sơn chùa Tổ là người tinh chuyên pháp môn Tịnh độ song song theo đó Ngài còn tham cứu tận cùng ý chỉ Thiền Tông. Chính vì, Ngài sống trong yếu chỉ của pháp môn Thiền - Tịnh song tu nên hương đạo Tịnh và ngộ sâu lối Thiền môn đồ đệ tử khắp Thừa Thiên ai ai cũng biết đến và theo học rất nhiều.

Hai gian tả hữu tiền đường thờ Ngài Tiêu Diện, Ngài Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên. Sự thiết trí đối xứng còn mang ý nghĩa tâm linh rất lớn. Ngài Tiêu Diện thường đại diện cho sự từ bi, cứu khổ, cứu nạn của Ngài Quán Thế Âm nhưng mang thiên hướng hung dữ, tỏ ra hung ác để hóa độ những loài quỷ bất kham. Ngài Hộ Pháp là vị Bồ Tát đại diện cho sự hiền từ, thánh thiện, bảo vệ cho Đức Phật, ngoài ra Ngài còn bảo vệ cho chính pháp mãi lưu truyền. Qua hai hình tượng Ngài Tiêu Diện và Hộ Pháp Phật giáo muốn dùng phương tiện thiện, ác để giáo hóa chúng sinh hữu tình lẫn vô tình, lắm lúc dùng lời nhỏ nhẹ đã độ được, có khi phải dùng biện pháp mạnh để khuyên nhủ. Thể hiện rõ tinh thần của Phật giáo từ bi luôn đồng hành cùng trí tuệ. Nhưng cũng không ngoài mục đích đem lại hạnh phúc, an lạc, bình an cho vạn loài chúng sinh, đi đến con đường giác ngộ giải thoát.

Hậu điện là nhà kế sau chính điện thường được gọi là hậu Tổ. Sở dĩ có tên hậu Tổ có nghĩa là phía sau thờ chư vị Tổ sư có công với chùa, không những vậy còn thể hiện tinh thần nhớ về cội nguồn. Sau hậu Tổ chùa Tây Thiên thiết trí gian ở khoảng giữa và trên khám thờ Tổ khai sơn đó là Ngài Thanh Ninh - Tâm Tịnh và chín vị đệ tử truyền thừa của Ngài. Đó cũng là nét đặc trưng nổi bật của các ngôi chùa Huế. Hai gian tả hữu, gian tả thờ chư Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức tăng quá cố có liên quan đến chùa, gian hữu thờ tứ chúng, hoặc chư hương linh từng tự, nhập tự, nhập ảnh... của các gia đình Phật tử, đạo hữu.

Trong chính điện ở các vị trí cột cũng có trang trí một số câu đối viết bằng chữ Hán ca tụng, tán thán công đức của chư Phật, Bồ tát và hạnh nguyện của các Ngài. Đồng thời, thể hiện hành trạng nơi xuất gia và cuộc đời của chư vị Tổ sư, phía trên các bức liên ba cũng có trang trí các bài kệ, bài thơ chữ Hán,... để nhớ đến công lao các bậc tiền bối đã lưu giữ và hoàng

truyền đạo pháp.

Hai cặp câu đối ở tiền đường:

Cặp 1: 寶樹林中遙聽梵音談實相

Bảo thọ lâm trung điều thính phạm âm đàm thật tướng

金繩界內儼瞻妙體遍莊嚴

Kim thằng giới nội nghiêm chiêm diệu thể biến trang nghiêm.

Dịch nghĩa:

Trong rừng báu vắng nghe pháp âm bàn thiết tướng

Nơi cõi pháp ngắm rõ diệu thể khắp trang nghiêm.

Cặp 2: 前前無始後後無終金性本來如是

Tiền tiền vô thủy hậu hậu vô chung kim tính bản lai như thị

生生不增滅滅不減真如萬古常

Sinh sinh bất tăng diệt diệt bất giảm chân như vạn cổ thường tân.

Dịch nghĩa:

Trước trước không đầu, sau sau không cuối, thể tính xưa nay như vậy

Sinh sinh không thêm, diệt diệt không bớt, chân như vạn cổ mới hoài.



Hai cặp câu đối ở hậu Tổ:

Cặp 1: 慈孝繼家風當時託鉢佛

Từ Hiếu kế gia phong đương thời thác bát

含龍承正脉此地升宗

Hàm Long thừa chính mạch thử địa thăng tông.

Dịch nghĩa:

Từ Hiếu nối tông phong lúc ấy gởi bát

Hàm Long tiếp mạch sống, đất này gây dòng.

Cặp 2: 卓錫振禪宗祖印光前家風裕後

Trác tích chấn thiên tông Tổ ấn quang tiền gia phong dĩ hậu

拈花明妙旨醍醐灌頂甘露灑心

Niêm hoa minh diệu chỉ đề hồ quán đánh cam lồ sái tâm.

Dịch nghĩa:

Chống gậy chấn thiên tông, trước sáng dấu tổ, sau nổi đạo mạch
Đưa hoa rõ diệu chỉ, để hồ rót đánh, cam lồ rưới tâm.

2.1.3. Sân vườn

Nghệ thuật trang trí sân vườn là nghệ thuật tạo lập quy hoạch sắp xếp, bố trí trồng, trang trí sân vườn để tạo cảnh quan đẹp, áp dụng cho kiến trúc chùa chiền. Thiết kế sân vườn có nhiều lớp, nhiều kiểu, được thực hiện bởi các sư trụ trì hoặc các chuyên gia thiết kế... hướng đến triết lý huyền bí và gần gũi của đạo Phật và đời sống con người.

Yếu tố thẩm mỹ: để đạt được yếu tố thẩm mỹ, người thiết kế đã phải nghiêm ngặt bố cục sân vườn sao cho phù hợp và hài hòa với phong cách kiến trúc của chùa. Các yếu tố tự nhiên như nước, đá, thực vật,... được sắp xếp có chủ đích. Cây được trồng theo trình tự, phân tầng cao thấp, đa dạng chủng loại, màu sắc, thích nghi với bốn mùa trong năm.

Sân vườn vẫn thuộc phạm vi nhà chùa, không thể tách rời với kiến trúc của chùa cũng là phần mở rộng của chùa vậy. Trong vườn, không khí trong lành, cây cỏ xanh tươi, hương hoa lộng lẫy, tiếng chim hót, tiếng nước chảy róc rách, tiếng lá xào xạc được lồng ghép hài hòa. Mục đích chính của việc tạo sân vườn là mang đến một nơi nghỉ ngơi, thư giãn với không khí trong lành và cảnh đẹp. Sắp xếp các điểm dừng, ghế, góc tiếp khách, chòi và bàn trà là một điểm cũng cần lưu ý. Để nghệ thuật trang trí sân vườn đó phải tạo ra điểm nhấn phù hợp cho một khu vườn cũng như là tổng thể kiến trúc ngôi chùa thậm chí phù hợp với sinh hoạt của mọi người sinh sống trong đó.

Vườn cảnh sân chùa là nơi thanh tịnh tĩnh tâm cho thập phương khách vãng lai, cũng là nơi nghiên cứu, học hỏi đọc sách, giải trí... cho các vị sư sinh sống ở trú xứ đó. Đây cũng là điểm dị biệt đối với các sân vườn khác vừa mang yếu tố tinh thần, vừa hài hòa triết lý nhà Phật.



2.1.4. Tháp chư Tổ

Kiến trúc của tháp được chia thành ba phần chính phần chân đế (phần đáy), phần thân tháp và phần đỉnh tháp. Phần đáy tháp là phần nền của tháp làm nền tảng cho tháp, thân tháp là kết cấu chủ yếu của tháp có thể đặc hoặc rỗng, đỉnh tháp là phần cao nhất của tháp tương tự như một ngọn tháp nhỏ. Mỗi phần của tháp có một chức năng và ý nghĩa khác nhau tùy theo vùng miền, quốc gia và người sử dụng tháp để vì mục đích như thế nào. Tuy nhiên nhìn vào góc độ biểu tượng và tâm linh của tháp thì luôn được các hàng đệ tử của Đức Phật chiêm bái và thờ phụng nên cho dù có thay đổi cấu trúc, biến thể qua các nền văn hóa của các quốc gia trên thế giới vẫn không thay đổi được ý nghĩa thiêng liêng ban đầu.

Kiến trúc tháp của Phật giáo vô cùng đa dạng và phong phú đi qua từng vùng miền, quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau, thì lối kiến trúc trang trí điêu khắc, các họa tiết khác nhau. Tháp cũng biến đổi theo từng quan niệm của từng khu vực, từng địa phương đó. Tháp có sức mạnh biểu tượng rất lớn, không những là sức mạnh quyền uy mà còn là sự hướng thượng vươn lên, kiên cường bất khuất, khẳng định vị thế của Phật giáo đến tất cả mọi người bởi sự từ bi, trí tuệ và tính trường cửu bất diệt mà pháp Phật đến với chúng sinh bằng sự giác ngộ giải thoát.

Tháp Phật giáo ở Huế có hai dạng chính là tháp thờ Phật và tháp (mộ) thờ chư vị Tổ sư của các ngôi chùa nằm trên địa bàn. Theo tác giả Hà Xuân Liêm tháp Phật xưa có 4 ngôi tháp là tháp Phổ Đồng (1684) ở chùa Quốc Ân (nay không còn), tháp Điều Ngự (1837) ở chùa Phước Duyên, tháp Phước Duyên (1844) ở chùa Thiên Mụ, tháp Bồ Đề (1896) ở chùa Từ Hiếu. Hiện nay cũng có tháp Ấn Tôn (2009) ở chùa Từ Đàm. Huế có ảnh hưởng rất nhiều của kiến trúc Trung Hoa và Ấn Độ nên kiến trúc tháp cũng có ảnh hưởng, hầu như ba phần kiến trúc đều có nét tương tự của kiến trúc tháp của Trung Hoa nhưng vật liệu xây dựng và nét trang trí kiến trúc thì thể hiện phong cách Việt và có dấu ấn của văn hóa Champa như là tháp Phước Duyên - chùa Thiên Mụ, tháp cao 21m và thờ bảy tượng Phật của quá khứ trong bảy tầng, tháp có dạng bình đồ như tháp Trung Hoa. Tháp Điều Ngự - chùa Phước Duyên, tháp có hình tứ giác cao ba tầng, ảnh hưởng phong cách của Ấn Độ hình vuông nhưng cách thức thờ tự thì thể hiện ý nghĩa của Phật giáo Việt.

Chùa Tổ Tây Thiên hiện có sáu tháp qua các đời từ khi thành lập cho đến hiện nay. Trong số đó có 1 tháp tưởng niệm và 4 tháp 4 đời trú trì, 1 tháp chúng tăng.

+ Lâm Tế chính tông tứ thập nhị thế Thiên Tôn tự đường thượng hựu Trùng Thủy tự Chí Tâm hiệu Giác Nhiên trưởng lão Hòa thượng chi tháp (tháp trống).

+ Lâm Tế chính tông sắc tứ Diệu Đế quốc tự tăng cang khai sơn Tây Thiên tự hựu Thanh Ninh hiệu Tâm Tịnh chi tháp.

+ Lâm Tế chính tông tứ thập nhị thế tông tu Tây Thiên tự đường thượng hựu Trùng Văn tự Chí Ngộ hiệu Giác Nguyên trưởng lão Hòa thượng chi tháp.

+ Lâm Tế chính tông tứ thập tam thế Tây Thiên tự trú trì hựu thượng Tâm hạ Thọ hiệu Thiện Hỷ giác linh Hòa thượng chi tháp.

+ Thiệt Diệu Liễu Quán pháp phái Tây Thiên tự tọa chủ hựu thượng Nguyên hạ Không hiệu Từ Phương Hòa thượng chi tháp.

+ Thiệt Diệu Liễu Quán pháp phái Tây Thiên tự môn hạ hựu thượng Quảng hạ Thiện hiệu Nguyên Tánh thượng tọa chi tháp.

2.2. Một số khóa lễ ở chùa

Phật giáo ngày nay ở Việt Nam nói chung và Huế nói riêng rất sôi động với các trường phái và truyền thống. Người dân xứ Huế rất cởi mở và tôn trọng tất cả các truyền thống Phật giáo. Không có gì lạ khi cùng một Phật tử tham dự các khóa tu, pháp thoại và tham gia các hoạt động tôn giáo...

Có hàng trăm ngôi chùa, hội, tổ chức và công ty cung cấp các hoạt động, dịch vụ liên quan đến Phật giáo. Họ cùng nhau phục vụ nhu cầu tâm linh của cộng đồng Phật giáo địa phương và cũng hỗ trợ xã hội cho cộng đồng rộng lớn hơn ở Huế. Có nhiều trường học, hiệp hội phúc lợi, viện dưỡng lão, trung tâm dịch vụ gia đình, cộng đồng, thư viện và thậm chí một bệnh viện được thành lập và hỗ trợ bởi cộng đồng Phật giáo, chùa Tổ cũng là một trong những chùa tiên

phong trong các lĩnh vực cống hiến cho xã hội nước nhà với phương châm “*thượng cầu hạ hóa, phụng sự chúng sinh là cúng dường chư Phật*”.

Nhận thấy cốt yếu chùa Tây Thiên đã lên kế hoạch cho các khóa lễ trong năm để tiện cho các Phật tử các giới theo dõi và tu học. Mỗi lễ trong năm đều có chương trình riêng như sau:

Lễ Phật cầu an và cúng sao hạn vào ngày mùng 4 đến 15 tháng Giêng. Là lễ tụng kinh, đọc tên chư gia đình dâng lên Phật để mong cầu bình an, sức khỏe và mọi sự hanh thông trong một năm.

Lễ Phật Đản sinh tổ chức vào ngày 14-15/04/Âm lịch, là một trong ba ngày lễ lớn trong năm của đạo Phật là Đại lễ Vesak (Đản sinh, Thành đạo, nhập Niết bàn).

Vào thời gian này, chư tăng trong chùa cũng tổ chức 3 tháng “*An Cư Kiết Hạ*”, ba tháng mùa hè an cư có ý nghĩa rất lớn đối với chư tăng ni và chúng Phật tử. Là thời gian để tăng, ni chuyên tâm tu học, củng cố thân tâm, rèn luyện đạo đức, định tâm, trí tuệ, cũng là dịp để cư sĩ phát tâm tu tập, tích đức. Việc cúng dường và hỗ trợ cho người xuất gia đã tạo điều kiện thuận lợi cho tăng, ni sinh sống và tu học.

Lễ Vu Lan của chùa Tây Thiên thường song hành tổ chức thêm lễ “*chẩn tế tiến thí âm linh cô hồn - dâng y cúng dường và quy y Tam Bảo*”. Trong ngày này, người con sẽ dành cả lòng thành để báo hiếu công ơn dưỡng dục của tổ tiên ông bà, cha mẹ. Ngoài ra, các người con cũng sẽ phóng sinh, làm phước để cha mẹ được hưởng công đức và nguyện cầu cho âm siêu dương thái cho thiện tín nam nữ muốn bước chân vào hàng ngũ tập tu tam quy ngũ giới trong bốn chúng của người con Phật.

Ngoài những đại lễ lớn trong năm chùa còn tổ chức tu Bát quan trai giới hằng tháng cho chúng Phật tử tu học vào ngày Chủ Nhật. Bao gồm các buổi pháp thoại, khóa tu thiền...

Đặc biệt hơn của chùa Tổ là các ngày kỷ niệm, tưởng nhớ chư vị Tổ sư và chư vị tiền bối hữu công vào các tháng như:

- + 28/2 Âm lịch, Thượng tọa Quảng Thiện - Nguyên Tánh
- + 5/3 Âm lịch, Hòa thượng Thanh Ninh - Tâm Tịnh
- + 21/10 Âm lịch, Hòa thượng Tâm Thọ - Thiện Hỷ
- + 4/12 Âm lịch, Hòa thượng Nguyên Không - Từ Phương
- + 30/12 Âm lịch, Hòa thượng Trùng Văn - Giác Nguyên.

KẾT LUẬN

Phật giáo Huế luôn đồng hành với những thăng trầm của con người xứ Huế, nó luôn chảy mãi trong lòng con người nơi đây, cũng giống như dòng nước của dòng sông hương thơm dịu dàng chảy vào lòng người xứ Huế. Chúng ta hẳn rất tự hào và ngưỡng mộ khi có nhiều nhà sư nổi tiếng, các nhà lãnh đạo Phật giáo tài ba đã được sinh ra trên mảnh đất này. Có thể nói ở đây là: “*Ô châu ác địa*”. Nhưng phải chăng nhờ khó khăn mà đã sinh ra những bậc danh tăng sống mãi với thời gian như quý Ngài cửu Tâm, cửu Nguyên... vẫn luôn khắc sâu trong lòng người

dân xứ Huế. Là hậu bối con cháu, chúng ta tiếp tục kế thừa những di sản mà quý Ngài để lại, làm thế nào để kế thừa những di sản vốn có để phát huy tốt nhất những giá trị lịch sử và văn hóa của Phật giáo Huế.

Giá trị lịch sử và văn hóa ở kiến trúc chùa Tổ từ sự thay đổi và những ảnh hưởng từ thiên nhiên môi trường và các yếu tố văn hóa qua các thời kỳ đã được hiện rõ nét bởi sự kế thừa và phát triển không gian thẩm mỹ kiến trúc qua thực tế ở những ngôi chùa ở Huế. Điều đó cho thấy giá trị văn hóa và tâm linh luôn đồng hành song song với nhau không thể tách rời cho dù bất cứ hoàn cảnh nào cũng không thể xóa nhòa mối liên hệ gắn kết đó. Đến nay dòng chảy văn hóa Phật giáo Huế vẫn giữ được những nét đẹp truyền thống về cách sống và các hoạt động tín ngưỡng Phật giáo trong tinh thần nhân văn mang tính cộng đồng và tình người sâu đậm. Không gian kiến trúc tín ngưỡng của Phật giáo góp phần vun bồi, gìn giữ và bảo tồn, phát huy đầy đủ hơn các giá trị tinh thần xã hội ấy trong vùng đất thấm đượm tinh tế sắc thái Phật giáo nói chung và chùa Tổ Tây Thiên nói riêng.

Tác giả: **Thích Minh Nghiêm**

Học viên Cao học K.II Học viện PGVN tại Huế

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Thuận An (2003), Kiến trúc Cố đô, Nxb Thuận Hóa, Huế.
2. Thích Trung Hậu - Thích Hải Ấn (2011), Chư tôn thiên đức và cư sĩ hữu công tập 2, Nxb Tổng hợp Hồ Chí Minh.
3. Thích Minh Đức (2009), Câu đối chùa Huế, Luận văn tốt nghiệp, Tài liệu giảng dạy, Tp. Huế.
4. Hà Xuân Liêm (2007), Những chùa tháp Phật giáo ở Huế, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
5. Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm (2006), Lịch sử Phật giáo xứ Huế, Nxb Văn hóa, Sài Gòn.
6. Nhiều tác giả (2021), Phổ hệ môn phái Tây Thiên, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- 7.

<https://thuvienhoasen.org/a14712/thai-do-cu-nho-mo-thich-cua-cac-chua-nguyen-hoa-duyen>.

Truy cập: Ngày 31/10/2022.